

Số: 05/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH
“V/v sửa đổi Điều lệ Công ty”

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco,

Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức hoạt động, Hội đồng quản trị nhận thấy Điều lệ hiện hành cần được xem xét sửa đổi để đảm bảo việc tổ chức và hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành, tăng cường tính minh bạch, hiệu quả, chuyên nghiệp trong hoạt động quản trị và phù hợp với các quy định của các cơ quan quản lý, tổ chức hoạt động chứng khoán.

Vì vậy, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty như sau:

1. Đề xuất sửa đổi nội dung Điều lệ theo **Dự thảo Điều lệ** đính kèm (phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng). Một số nội dung thay đổi cơ bản so với Điều lệ Công ty hiện hành được nêu tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

2. Giao Người đại diện theo pháp luật Công ty ký ban hành Điều lệ Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BKS;
- Lưu: VP HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *Phạm Ngọc Thanh*



Phạm Ngọc Thanh

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG TASECO

(Kèm theo Tờ trình số: 05/2021/TTr-HĐQT ngày 17 tháng 06 năm 2021)

TT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
1	Khoản 1, Điều 1	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p><i>b.</i> “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> được Quốc hội thông qua ngày <u>26 tháng 11 năm 2014</u>.</p> <p><i>h.</i> “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17, Điều 4 Luật doanh nghiệp, <u>Khoản 34, Điều 6</u> Luật Chứng khoán.</p> <p><i>l.</i> “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại <u>Khoản 5, Điều 2</u> Điều lệ này.</p> <p><i>k.</i> “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán ngày <u>29/6/2006</u> và <u>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010</u>.</p> <p><u>Chưa có</u></p> <p><u>Chưa có</u></p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p><i>c.</i> “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>17 tháng 6 năm 2020</u>.</p> <p><i>i.</i> “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17, Điều 4 Luật doanh nghiệp, <u>Khoản 46, Điều 4</u> Luật Chứng khoán.</p> <p><i>n.</i> “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này <u>và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua</u>.</p> <p><i>d.</i> “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số <u>54/2019/QH14</u> được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày <u>26 tháng 11 năm 2019</u>.</p> <p><i>l.</i> “<u>Cổ đông sáng lập</u>” là <u>cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần</u>.</p> <p><i>o.</i> “<u>Sở giao dịch chứng khoán</u>” là <u>Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con</u>.</p>	Phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019
2	Khoản 2,5, Điều 7	<p>Điều 7. Chứng <u>chỉ</u> cổ phiếu</p> <p><i>2. <u>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có</u></i></p>	<p>Điều 7. Chứng <u>nhân</u> cổ phiếu</p> <p><i>2. <u>Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của công ty phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy</u></i></p>	Phù hợp với Điều 121 Luật doanh nghiệp 2020

TT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		<p>đầy đủ các nội dung theo quy định tại <u>Khoản 1, Điều 120</u> Luật doanh nghiệp.</p> <p><u>5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty</u></p>	<p>định tại <u>Khoản 1, Điều 121</u> Luật doanh nghiệp.</p> <p><u>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</u></p> <p><u>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</u></p> <p><u>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</u></p>	<p>Phù hợp với hướng dẫn của Điều 4 Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
3	<p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 1,4,5, Điều 10</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <u>cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</u></p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, <u>nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.</u></p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, HĐQT thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và <u>chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</u></p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại <u>Khoản 3, Điều 112, Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, <u>nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh</u> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.</p>	<p>Phù hợp với Điều 10 Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

TT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
4	Khoản 2, 3, Điều 12	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. <u>Người nắm giữ cổ phần phổ thông</u> có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của <u>Điều lệ này và pháp luật hiện hành</u>.</p> <p>h. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty <u>sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật</u>.</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật doanh nghiệp</p> <p>j. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. <u>Cổ đông phổ thông</u> có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. <u>Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết</u>.</p> <p>d. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của <u>Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan</u>.</p> <p>h. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <u>Điều 132 Luật Doanh nghiệp</u></p> <p>j. Được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau; <u>Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông</u>.</p>	Phù hợp với Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020

TT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		<p>1. <u>Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% tổng số cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</u></p>	<p>1. <u>Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên <u>có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</u></p>	
5	Sửa Khoản 1,2, Điều 17	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ <u>ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</u></p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ <u>65%</u> tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	Phù hợp Điều 17, Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT - BTC

TT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
6	Sửa đổi Khoản 1,2,3,5, Điều 18	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông <u>được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c, Khoản 4, Điều 14</u> Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại <u>Đại hội. Danh sách này được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (Trong trường hợp công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở GDCK). <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</u></p> <p>5.a. Kiến nghị được gửi đến không đúng <u>thời hạn hoặc không</u></p>	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>và bất thường. HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 14</u> Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại <u>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u></p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).</u></p> <p>5.a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại <u>Khoản 4</u></p>	<p>Phù hợp với quy định của Khoản 3, Điều 14 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Phù hợp với Khoản 1, Điều 141 Luật doanh nghiệp và Khoản 1, Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 143 Luật doanh nghiệp 2020</p>

TT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		<p><i>đủ, không đúng nội dung</i></p> <p>5.b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất <u>5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 Điều lệ này.</p>	<p><i>Điều này.</i></p> <p>5.b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ <u>ít nhất 5% cổ phần phổ thông</u> theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 Điều lệ này.</p>	<p>Phù hợp với Khoản 2, Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020</p>
7	<p>Sửa đổi Khoản 1,2,3,4, Điều 21</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><u>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền dự họp tán thành.</u></p> <p>3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền dự họp tán thành.</u></p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó <u>không được thực hiện đúng như quy định</u></p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p><u>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6, Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p><u>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6, Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó <u>vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>Phù hợp với Điều 21, Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT - BTC</p>
8	<p>Sửa đổi Khoản 2,4,7, Điều 22</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	

TT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		<p>2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty và các phương tiện công bố thông tin theo khác quy định của pháp luật trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ</p>	<p>2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>Phù hợp với Khoản 2, Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Phù hợp với Khoản 5, Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020</p>
9	Sửa đổi điểm 1.i và Khoản 3,4, Điều 23	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký:</p> <p><u>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng</u></p> <p>3. <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và các phương tiện công bố thông tin khác theo quy định của pháp luật trong thời hạn 24 giờ</u></p>	<p>Điều 23. <u>Nghị quyết</u>, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.i. <u>Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp</u></p> <p>3. <u>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng</u></p>	<p>Phù hợp với Điểm i, Khoản 1 Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>Phù hợp với Khoản 4, Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020</p>

TT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
10	Sửa đổi Khoản 1,2, Điều 26	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 09 người. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2017-2022) là 07 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Tổng số thành viên HĐQT không điều hành hoặc thành viên độc lập HĐQT chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.</u> Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 09 người. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2017-2022) là 07 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục; trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;</u> thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Cơ cấu HĐQT của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo theo quy định tại khoản 4 Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u></p> <p>2. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Phù hợp với Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Phù hợp với Điều 160 Luật doanh nghiệp 2020</p>
11	Bổ sung Khoản 3, Điều 27	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT</p> <p><u>Chưa có</u></p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT</p> <p><u>3. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31</u></p>	<p>Phù hợp với hướng dẫn của NĐ số</p>

TT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
			<i>tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i>	155/2020/NĐ-CP
12	Bổ sung Khoản 3, 6, Điều 28	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị <u>Chưa có</u> <u>Chưa có</u>	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị <i>3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên</i> <i>6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty</i>	Phù hợp với Khoản 3, Điều 163 Luật doanh nghiệp 2020 Phù hợp Khoản 6, Điều 28 Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC
13	Khoản 1, Điều 32	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 1. Hội đồng quản trị <i>chỉ định</i> ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 1. Hội đồng quản trị của Công ty <i>phải bổ nhiệm</i> ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. <i>Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</i>	Phù hợp với Khoản 1, Điều 281 NĐ số 155/2020/NĐ-CP
14	Bổ sung Khoản 4, 6, 7, Điều 39	<u>Chưa có</u>	Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát <i>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông</i>	Phù hợp với Điều 39 Phụ lục 1 Thông

TT	Điều khoản được sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ dự kiến sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
		<p><u>Chưa có</u></p> <p><u>Chưa có</u></p>	<p><u>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua</u></p> <p><u>7. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</u></p>	<p>tư 116/2020/TT-BTC và NĐ số 155/2020/NĐ-CP</p>
15	<p>Bổ sung Điểm b Khoản 6, Điều 47</p>	<p><u>Chưa có</u></p>	<p>Điều 47. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p><u>6.b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHĐCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan</u></p>	<p>Phù hợp với Điểm b, Khoản 6, Điều 47 Phụ lục 1 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>